TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2018/HSST
Ngày: 22-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Nguyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trịnh Thị Lan.

Ông Đoàn Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Kim Huế - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 22-5-2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 145/2018/TLST-HS ngày 13-4-2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2018/QĐXXST-HS ngày 11-5-2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn Đ, sinh năm 1970, tại Nam Định.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 477 T, phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và bà Trần Thị Y; có vợ Nguyễn Thị T và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án: Ngày 27-9-2016 Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 03 tháng tù giam về tội "Đánh bạc" ra trại ngày 24-01-2017; nhân thân: Ngày 21-4-2015 Công an phường B, thành phố N xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc"; ngày 08-01-2016 Công an phường B, thành phố N xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 350.000 đồng về hành vi "Đánh bạc"; ngày 04-4-2016 Công an phường B, thành phố N xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 500.000 đồng về hành vi "Đánh

bạc"; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14-3-2018, sau đó chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N; bị cáo Trần Văn Đ có mặt tại phiên toà.

- *Người làm chứng*: Anh Hoàng Anh T, anh Lê Đức T, chị Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lợi dụng việc bán xổ số cho Nhà nước nên Trần Văn Đ cùng vợ là Nguyễn Thị T thường xuyên bán số lô, số đề cho khách tại nhà riêng. Đ và T thống nhất hàng ngày khi Đ ngồi bán số lô, số đề cho khách xong thì Đ sẽ chuyển tất cả các phiếu tích kê lưu ghi các số lô, số đề cho khách đã bán cùng tiền vào trong nhà để T tổng hợp các số lô, số đề vào bảng lô, đề rồi chuyển lại cho người khác nhằm thu lời bất chính.

Phương thức chơi như sau: Khách qua đường có nhu cầu mua số lô, số đề Đ bán và ghi tích kê cho người chơi và ký xác nhận vào phiếu tích kê theo những con số mà người chơi lựa chọn từ các số 00 đến 99 và tùy theo số tiền khách bỏ ra để mua số lô, số đề. Đồng thời, Đ đặt giấy than để lưu lại các số lô, số đề đã bán ra cho khách trong ngày, sau đó chuyển những phiếu tích kê này cùng với tiền vào trong nhà cho T để tổng hợp lại.

Về cách thức chơi số lô, số đề được Đ, T và các đối tượng tham gia quy định như sau:

Đối với số lô: Mỗi điểm lô tương đương 22.500 đồng, người mua tự chọn các số từ 00 đến 99. Nếu số tự chọn trùng với hai số cuối cùng của một trong 27 giải xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày thì được trúng thưởng với tỷ lệ mỗi điểm lô được 80.000 đồng. Nếu số tự chọn không trùng với hai số cuối cùng của một trong 27 giải thì người mua mất số tiền đã bỏ ra.

Đối với số đề: Nếu số đề người chơi mua trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng cùng ngày thì người chơi sẽ thắng và được của Đ số tiền gấp 80 lần số tiền mà người chơi đã trả cho Đức. Nếu không trùng thì Đức được tiền của người chơi.

Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 14-3-2018 Đ ngồi tại bàn sổ xố thì Lê Đức T đến đặt vấn đề mua số lô, số đề của Đ. T mua của Đ số lô 48 là 02 điểm, số đề 48 là 8.000 đồng, tổng cộng 53.000 đồng. Đ viết toàn bộ số lô, số đề nêu trên vào một tích kê ký tên Đ và giao cho T, sau đó T rút từ ví ra một tờ mệnh giá 50.000 đồng, một tờ mệnh giá 2.000 đồng và 01 tờ mệnh giá 1.000 đồng giao cho Đ. Khi T vừa nhận phiếu tích kê ghi các số lô, số đề do Đ giao và cầm trên tay thì bị Tổ công tác của Công an thành phố N phát hiện bắt quả tang các đối tượng đồng thời thu giữ vật chứng có liên quan đưa về trụ sở để giải quyết.

Quá trình bắt giữ, Cơ quan điều tra đã thu giữ của Đ 01 phiếu tích kê có chữ ký của Đ và số tiền 53.000 đồng, 01 tập kết quả sổ số, 01 tập tích kê trắng. Thu giữ của T 01 phiếu tích kê mà Đ vừa đưa cho T. Thu giữ của T 07 tờ tích kê lưu ghi số lô 00 là 100 điểm (Tương đương 2.250.000 đồng); số lô 13, 23 là 25 điểm (Tương đương 1.125.000 đồng); số lô 64 là 5 điểm (Tương đương 112.500 đồng); số lô 33, 83, 34, 84 mỗi số là 2,5 điểm (Tương đương 225.000 đồng); các số đề 62, 06, 60 mỗi số 20.000 đồng; số đề 56, 65 mỗi số là 15.000 đồng và 01 bảng tổng hợp các số đề đã bán trong ngày 14-3-2018 cùng số tiền 3.802.500 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Trần Văn Đ, Lê Đức T, Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên, lời khai của các đối tượng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập.

Đồng thời Nguyễn Thị T khai: Toàn bộ các tích kê lưu các số lô, số đề và số tiền mà Đ bán lô đề cho khách hàng ngày sẽ được chuyển cho một người phụ nữ tên T (T không biết tên tuổi địa chỉ của người này). Sau khi có kết quả lô, đề thì T sẽ tính toán số tiền được thua của bảng lô, đề và được T thanh toán vào ngày hôm sau. Tuy nhiên ngày 14-3-2018 khi T đang tổng hợp lại các số lô, số đề vào bảng thì bị lực lượng công an bắt giữ.

Bản cáo trạng số 159/CT-VKSNDTP ngày 04-5-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo Trần Văn Đ về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà: Bị cáo Trần Văn Đ khai bị cáo làm đại lý bán xổ số cho công ty xổ số kiến thiết tỉnh Nam Định. Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 14-3-2018 bị cáo đã bán số lô, số đề cho Lê Đức T với số tiền 53.000 đồng thì bị Công an thành phố N bắt quả tang. Còn số tiền 3.802.000 đồng là tiền bị cáo bán các số lô, số đề cho khách qua đường vào chiều ngày 14-3-2018 nhưng bị cáo không biết những người khách đó là ai.

Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam. Miễn phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được sớm trở về nuôi hai con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Trần Văn Đ không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn Đ khai nhận đã bán số lô, số đề là hình thức đánh bạc với mục đích được thua bằng tiền cho Lê Đức T với số tiền 53.000 đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ như biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ vật chứng. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng. Mặc dù số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng nhưng trước đó bị cáo đã có 01 tiền án về tội "Đánh bạc" chưa được xóa án tích nên bị cáo đã bị truy tố và xét xử về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N là có căn cứ.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong mức đề xuất của Viện kiểm sát để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, gia đình bị cáo có đơn trình bầy điều kiện hoàn cảnh khó khăn và có xác nhận của Chính quyền địa phương nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với hành vi mua, bán lô đề của Lê Đức T và Nguyễn Thị T không cấu thành tội phạm nên Công an thành phố N đã xử phạt hành chính. Đối với đối tượng tên T nhận chuyển bảng số lô, số đề hiện chưa rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau.

[7] Về xử lý vật chứng, tài sản: Số tiền 53.000 đồng là tiền bị cáo phạm tội mà có, số tiền 3.802.000 đồng là tiền bị cáo bán các số lô, số đề cho khách qua đường vào chiều ngày 14-3-2018 không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về hành vi đánh bạc với số tiền này nhưng đây là tiền bị cáo có được từ giao dịch bất hợp pháp. Do đó tịch thu sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền thu giữ của bị cáo; các vật chứng khác gồm 01 tờ tích kê ghi số lô 48, số đề 48, 01 tờ tích kê lưu ghi số lô 48, số đề 48 (Ghi ngày 14-3-2018 có chữ ký Trần Văn Đ), 07 tờ tích kê ghi số lô, số đề ngày 14-3-2018 có chữ ký của Trần Văn Đ và Nguyễn Thị T, 01 tập kết quả sổ xố, 01 tập tích kê trắng, 01 bảng tổng hợp ghi các số lô, số đề ngày 14-3-2018 có chữ ký của Nguyễn Thị T không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo qui định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội "Đánh bạc".

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 09 (Chín) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 14-3-2018.

2. Xử lý vật chứng, tài sản.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 3.855.500 đồng; tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm 01 tờ tích kê ghi số lô 48, số đề 48, 01 tờ tích kê lưu ghi số lô 48, số đề 48 (Ghi ngày 14-3-2018 có chữ ký Trần Văn Đ), 07 tờ tích kê ghi số lô, số đề ngày 14-3-2018 có chữ ký của Trần Văn Đ và Nguyễn Thị T, 01 tập kết quả sổ xố, 01 tập tích kê trắng, 01 bảng tổng hợp ghi

các số lô, số đề ngày 14-3-2018 có chữ ký của Nguyễn Thị T (Số vật chứng, tài sản nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26-4-2018 giữa Công an thành phố N với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N).

3. Án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Trần Văn Đ phải nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo Trần Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Toà án ND tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát NDTP. N;
- Công an TP. N;
- Chi cục thi hành án TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Nguyên